

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG ĐỐI VỚI MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT

## SOME SOLUTIONS TO IMPROVE SELF-STUDY AND SELF-TRAINING CAPACITY OF STUDENTS AT TIEN GIANG UNIVERSITY IN PHYSICAL EDUCATION COURSE

ThS. Trần Thanh Phong  
Trường Đại học Tiền Giang

**Tóm tắt:** Việc tự học, tự rèn luyện nhằm phát triển thể chất đáp ứng yêu cầu phát triển con người toàn diện không chỉ về trí tuệ, trong sáng về đạo đức mà còn cường tráng về thể chất là vô cùng cần thiết đối với sinh viên Trường Đại học Tiền Giang (ĐHTG) nói riêng và toàn thể sinh viên trên toàn quốc nói chung.

Thông qua việc sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp toán thống kê, bài viết nêu lên được thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) cho sinh viên Trường ĐHTG. Đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên đối với môn học GDTC.

**Từ khóa:** Giáo dục thể chất, giải pháp, năng lực tự học, năng lực tự rèn luyện.

**Abstract:** The ability to self-study and self-train in order to to develop physical fitness, meeting the comprehensive human development requirements - not only intellectually and morally but also physically - is extremely necessary for students of Tien Giang University (TGU) in particular and for students nationwide in general.

Through the use of analysis and synthesis of documents, interview methods, and statistical mathematics, this paper highlights the current situation of physical education (PE) for students at TGU. It also proposes solution to enhance the self-study and self-training capacity of students in the PE course.

**Keywords:** Physical education, solutions, self-study capacity, self-training capacity.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất được giảng dạy trong hệ thống nhà trường từ Mầm non đến Đại học nhằm góp phần đào tạo ra những con người phát triển toàn diện: “Phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức”.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế có viết: “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và

năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học” [1].

Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDTC, hoạt động thể thao trường học năm học 2024-2025 của Bộ giáo dục và Đào tạo có đoạn: “Tổ chức các hoạt động thể thao gắn liền với nội dung môn GDTC, đa dạng hóa nội dung và các hình thức vận động, khuyến khích học sinh, sinh viên tích cực, chủ động tham gia rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất [2].

Do vậy, sinh viên phải phát triển hài hòa về trí tuệ, thể chất, tinh thần, đáp ứng yêu cầu học tập chuyên môn nghề nghiệp, chuẩn bị khả năng tiếp cận với thực tiễn lao động sản xuất trong xu thế phát triển xã hội, hội nhập quốc tế. Để nâng cao thể chất một cách tích cực và

## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và thể thao trường học

toàn diện cho sinh viên ngoài vai trò của giảng viên thì vai trò của sinh viên là then chốt. Trong đó việc nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của mỗi sinh viên là vô cùng quan trọng.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu:” *Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang đối với môn học giáo dục thể chất*”.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng những phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng công tác GDTC cho sinh viên Trường ĐHTG

#### 2.1.1. Chương trình giảng dạy GDTC

Chương trình môn học GDTC (Ban hành theo quyết định số 272/QĐ-ĐHTG ngày 12/4/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHTG) được biên soạn dựa trên Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Tổng thể chương trình gồm 03 tín chỉ với 90 tiết thực hành: Môn bắt buộc (01 tín chỉ với 30 tiết thực hành): Thể dục và Điền kinh; Môn thể thao tự chọn 1 (01 tín chỉ với 30 tiết thực hành), sinh viên tự chọn một trong các môn: Cầu lông 1, Bóng chuyền 1, Bóng rổ 1, Đá cầu 1, Võ Vovinam 1 và Võ Taekwondo 1; Môn thể thao tự chọn 2 (01 tín chỉ với 30 tiết thực hành), sinh viên chọn môn tự chọn 1 nào thì chọn môn tự chọn 2 tương ứng. Mỗi học phần được đưa vào giảng dạy ở mỗi học kỳ (Học kỳ I học Thể dục và Điền kinh; Học kỳ II học môn thể thao tự chọn 1; Học kỳ III học môn thể thao tự chọn 2).

#### 2.1.2. Đội ngũ giảng viên

**Bảng 1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDTC**

| Trình độ |      |    | Thâm niên công tác |           |         | Chính trị |           | Tập huấn chuyên môn | Được nhận xét GVDG |
|----------|------|----|--------------------|-----------|---------|-----------|-----------|---------------------|--------------------|
| TS       | ThS  | CN | <10 năm            | 10-20 năm | >20 năm | Đảng viên | Đoàn viên |                     |                    |
| 0        | 7    | 0  | 0                  | 5         | 2       | 3         | 4         | 7                   | 7                  |
| 0%       | 100% | 0% | 0%                 | 71.4%     | 28.6%   | 42.85%    | 57.15%    | 100%                | 100%               |

Bảng 1 cho thấy, Bộ môn GDTC Trường ĐHTG hiện có 07 viên chức (02 nữ) trình độ thạc sĩ (02 giảng viên chính). Tất cả giảng viên có thâm niên công tác trên 10 năm. Hàng năm, các giảng viên được tập huấn chuyên môn và được đồng nghiệp nhận xét giảng viên dạy giỏi.

Căn cứ Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về

việc phê duyệt “*Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*” [3] thì tỉ lệ giảng viên GDTC tại Trường ĐHTG là 1/571. Do đó, Trường ĐHTG còn thiếu khoảng 2-3 giảng viên GDTC. Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên GDTC cần phải tiếp tục học tập nâng lên trình độ tiến sĩ.

#### 2.1.3. Sân bãi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy GDTC

**Bảng 2. Sân bãi dụng cụ phục vụ giảng dạy GDTC**

| TT | Sân bãi dụng cụ | Số lượng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ công tác giảng dạy |          |                 |
|----|-----------------|----------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|----------|-----------------|
|    |                 |          |                             | Tên thiết bị                                            | Số lượng | Phục vụ môn học |
| 1  | Sân cầu lông    | 12       | 980                         | Trụ, lưới                                               | 24, 12   | Cầu lông        |
| 2  | Sân bóng chuyền | 04       | 648                         | bóng                                                    | 30       | Bóng chuyền     |
| 3  | Sân đá cầu      | 04       | 289                         | Trụ, lưới                                               | 8, 4     | Đá cầu          |

| TT                                     | Sân bãi dụng cụ             | Số lượng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ công tác giảng dạy |          |                 |
|----------------------------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|----------|-----------------|
|                                        |                             |          |                             | Tên thiết bị                                            | Số lượng | Phục vụ môn học |
| 4                                      | Sân bóng rổ                 | 02       | 840                         | Trụ                                                     | 4        | Bóng rổ         |
| 5                                      | Khoảng sân trống            | 8        | 1600                        |                                                         |          | TDĐK            |
| 6                                      | Sân bóng đá mi ni (sân cát) | 01       | 800                         | Khung thành                                             | 1 bộ     | Ngoại khoá      |
| 7                                      | Nệm nhảy cao                | 4        |                             | Xà nhảy cao                                             | 4        | Nhảy cao        |
| 8                                      | Dây nhảy                    | 300      |                             |                                                         |          | TDĐK            |
| 9                                      | Thảm thể dục                | 02 bộ    | 2 x 64                      |                                                         |          | TDĐK            |
| Tổng diện tích sân bãi tập luyện       |                             |          | 5285 m <sup>2</sup>         |                                                         |          |                 |
| Tổng số sinh viên chính quy của trường |                             |          | 4000                        |                                                         |          |                 |
| Tỉ lệ m <sup>2</sup> /SV Trường ĐHTG   |                             |          | 1,32 m <sup>2</sup> /SV     |                                                         |          |                 |

Bảng 2 cho thấy sân bãi dụng cụ tại 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ) [3]. Trường ĐHTG về cơ bản đáp ứng cho dạy và học môn GDTC. Tuy nhiên, với tổng diện tích 5285 m<sup>2</sup> thì Trường ĐHTG còn thiếu diện tích dành cho việc luyện tập TDDT (chỉ đạt 1,10 m<sup>2</sup>/SV theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày

Mặc khác, Trường chưa có nhà thi đấu đa năng, sân vận động, hồ bơi... nên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác GDTC nói chung của nhà trường.

2.1.4. Thực trạng việc tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn việc tự học, tự rèn luyện TDDT của sinh viên khóa 23 Trường Đại học Tiền Giang (n=400)

| TT | Nội dung phỏng vấn                                  | Kết quả phỏng vấn |        |                  |        |
|----|-----------------------------------------------------|-------------------|--------|------------------|--------|
| 1  | Động cơ tham gia luyện tập TDDT                     | Ham thích TDDT    |        | Không ham thích  |        |
|    |                                                     | SL                | TL     | SL               | TL     |
|    |                                                     | 356               | 89%    | 44               | 11%    |
| 2  | Chương trình và phân phối chương trình môn học GDTC | Hợp lý            |        | Chưa hợp lý      |        |
|    |                                                     | SL                | TL     | SL               | TL     |
|    |                                                     | 385               | 96.25% | 15               | 3.75%  |
| 3  | Hình thức tập luyện                                 | Cá nhân tự tập    |        | Nhóm             |        |
|    |                                                     | SL                | TL     | SL               | TL     |
|    |                                                     | 297               | 74.25% | 103              | 25.75% |
| 4  | Nhu cầu tham gia CLB TDDT do Trường tổ chức         | Có nhu cầu        |        | Không có nhu cầu |        |
|    |                                                     | SL                | TL     | SL               | TL     |
|    | Cầu lông                                            | 189               | 47.25% | 63               | 15.75% |
|    | Bóng chuyền                                         | 81                | 20.25% |                  |        |
|    | Bóng đá                                             | 45                | 11.25% |                  |        |
|    | Điền kinh và các môn khác                           | 22                | 5.5%   |                  |        |

| TT | Nội dung phỏng vấn                                      | Kết quả phỏng vấn     |     |                     |       |          |        |
|----|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----|---------------------|-------|----------|--------|
| 5  | Tham gia luyện tập TDTT ngoại khoá                      | Thường xuyên          |     | Thỉnh thoảng        |       | Không    |        |
|    |                                                         | SL                    | TL  | SL                  | TL    | SL       | TL     |
|    |                                                         | 328                   | 82% | 31                  | 7.75% | 41       | 10.25% |
| 6  | Thời gian dành cho tập luyện TDTT ngoại khoá trong ngày | 30 phút đến < 60 phút |     | 60 phút đến 75 phút |       | >90 phút |        |
|    |                                                         | SL                    | TL  | SL                  | TL    | SL       | TL     |
|    |                                                         | 328                   | 82% | 60                  | 15%   | 12       | 3%     |

Kết quả ở bảng 3 cho thấy có 89% sinh viên được phỏng vấn ham thích tập TDTT; 96.25% sinh viên nhận xét chương trình và phân phối chương trình môn học GDTC của Trường ĐHTG là hợp lý; 82% sinh viên tự luyện tập ngoại khoá; 74.25% sinh viên chọn hình thức cá nhân tự tập TDTT; 82% sinh viên dành từ 30 phút đến 60 phút trong ngày để

luyện tập; 84.25% sinh viên mong muốn tham gia các CLB TDTT do Trường tổ chức. Tuy nhiên, vẫn còn 44 sinh viên (chiếm tỉ lệ 11%) không ham thích luyện tập TDTT. Có thể các sinh viên này chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc luyện tập TDTT.

2.1.5. Kết quả học tập môn GDTC của sinh viên Khoa 23 Trường ĐHTG

Bảng 4. Kết quả học tập của sinh viên Khoa 23 Trường Đại học Tiền Giang (n Nam = 200; n Nữ =200)

| Số lượng | Xếp loại |      |     |     |            |       |           |    |
|----------|----------|------|-----|-----|------------|-------|-----------|----|
|          | Giỏi     |      | Khá |     | Trung bình |       | Không đạt |    |
|          | Nam      | Nữ   | Nam | Nữ  | Nam        | Nữ    | Nam       | Nữ |
| n        | 22       | 19   | 76  | 72  | 102        | 109   | 0         | 0  |
| TL%      | 11%      | 9.5% | 38% | 36% | 51%        | 54.5% | 0%        | 0% |

Kết quả ở bảng 4 nhận thấy số lượng sinh viên đạt điểm trung bình môn học GDTC chiếm hơn 50%, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau như tình trạng sức khoẻ, động cơ tham gia tập luyện TDTT chưa đúng đắn...

2.2. Giải pháp nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường ĐHTG đối với môn GDTC

2.2.1. Lựa chọn giải pháp

Để lựa chọn giải pháp, chúng tôi tiến hành điều tra 25 cán bộ quản lý, giảng viên GDTC và chuyên gia giáo dục tại Trường ĐHTG. Phiếu phỏng vấn được đánh giá ở ba cấp độ đó là: Mức 1 (Giải pháp rất cần thiết); Mức 2 (Giải pháp cần thiết); Mức 3 (Giải pháp không cần thiết). Kết quả thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Giải pháp nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện cho sinh viên Trường Đại học Tiền Giang đối với môn học GDTC (n=25)

| Giải pháp                                                                                            | Mức 1 |     | Mức 2 |     | Mức 3 |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|-----|-------|----|
|                                                                                                      | SL    | TL  | SL    | TL  | SL    | TL |
| 1. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân về vị trí, vai trò, tác dụng của TDTT.                  | 24    | 96% | 1     | 4%  | 0     | 0  |
| 2. Tăng cường mua sắm, khai thác tối đa cơ sở vật chất.                                              | 23    | 92% | 2     | 8%  | 0     | 0  |
| 3. Tăng cường hoạt động ngoại khoá, xây dựng các câu lạc bộ.                                         | 22    | 88% | 3     | 12% | 0     | 0  |
| 4. Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.                                               | 22    | 88% | 3     | 12% | 0     | 0  |
| 5. Nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, giảng viên; tổ chức hợp lý và có hiệu quả công tác TDTT. | 20    | 80% | 5     | 20% | 0     | 0  |

Qua bảng 5 chúng ta nhận thấy tất cả các giải pháp mà đề tài đề xuất đã được chọn lựa mức “Rất cần thiết” khá cao (80% - 96 %.)

**2.2.2. Xây dựng nội dung các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường ĐHTG đối với môn học GDTC**

**2.2.2.1. Giải pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân về vị trí, vai trò và tác dụng của TDTT.**

+ Mục đích: **Nhằm giúp sinh viên nhận thức vị trí và vai trò của rèn luyện nâng cao sức khỏe và xây dựng lối sống lành mạnh.**

+ Nội dung và tổ chức thực hiện:

- **Tổ chức, triển khai đa dạng các hình thức tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.**

- Giảng giải cho sinh viên hiểu biết về vai trò, tác dụng của TDTT trong cuộc sống cũng như trong công tác sau này; Kích thích nhu cầu, khơi gợi hứng thú tập luyện TDTT; Quan tâm phát hiện và giúp đỡ sinh viên hình thành động cơ, thái độ yêu thích TDTT.

- Phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thực hiện cuộc thi tìm hiểu về TDTT nhân ngày 27/3 và các hoạt động thi đấu TDTT nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như 26/3; 20/11...

- Tuyên truyền sâu rộng, nâng cao nhận thức của sinh viên về TDTT bằng các hoạt động thi đấu giữa các Khoa, các giải thể thao của trường.

- Động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích và đóng góp cho hoạt động phong trào TDTT của trường.

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin-Thư viện kịp thời cập nhật những thông tin, hình ảnh hoạt động TDTT trong và ngoài trường lên bản tin nhà trường.

+ **Cách đánh giá:** Dựa trên số lượng các nội dung, hình thức tuyên truyền được thực hiện và sự thay đổi nhận thức sinh viên về vai trò và tầm quan trọng của GDTC trong việc nâng cao sức khỏe.

**2.2.2.2. Giải pháp tăng cường mua sắm, khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC.**

+ Mục đích: **Tăng cường hiệu quả đầu tư mua sắm và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT phục vụ cho công tác giảng dạy GDTC.**

+ Nội dung và tổ chức thực hiện:

- **Kiểm tra, rà soát, đề xuất sửa chữa, xây dựng, bổ sung mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT.**

- Tham mưu các cấp lãnh đạo trong việc quy hoạch mở rộng sân bãi tập luyện TDTT (Nhà thi đấu đa năng, hồ bơi, sân vận động...); Bổ sung thêm nguồn kinh phí cho hoạt động phong trào TDTT.

- **Kiểm tra, rà soát, sửa chữa, bổ sung mới cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ TDTT.**

- Tận dụng tối đa cơ sở vật chất đã có sẵn phục vụ cho học tập và phong trào TDTT.

+ **Cách đánh giá:** Số lượng các sân bãi, CSVC được mua mới, sửa chữa, bảo dưỡng.

**2.2.2.3. Giải pháp tăng cường các hoạt động ngoại khóa, xây dựng các câu lạc bộ TDTT.**

+ Mục đích: **Nhằm trang bị những kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập môn thể thao yêu thích.**

+ Nội dung và tổ chức thực hiện:

- **Rà soát, điều chỉnh, thành lập mới các câu lạc bộ TDTT theo mục tiêu của nhà trường, phù hợp với thực trạng, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và đúng theo quy định.**

- Đoàn thanh niên, Hội sinh viên thường xuyên tổ chức các giải thi đấu TDTT trong trường và giao lưu với các đơn vị bạn nhân các sự kiện quan trọng.

- Có chế độ động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với những sinh viên tham gia câu lạc bộ TDTT, những sinh viên đạt giải cao.

+ **Cách đánh giá kết quả:** Số lượng câu lạc bộ; Số lượng sinh viên tham gia các

hoạt động TDTT ngoại khóa; Số lượng các giải thi đấu TDTT được tổ chức.

*2.2.2.4. Giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.*

+ **Mục đích:** Nhằm tạo động cơ học tập đúng đắn, tăng cường tính tự giác, tích cực, phát triển tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong giờ học GDTC.

+ Nội dung và tổ chức thực hiện:

- Nghiên cứu, cải tiến phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất. Đặc biệt, khi giảng dạy giảng viên phải lấy người học làm trung tâm.

- Cải tiến việc kiểm tra đánh giá chất lượng GDTC theo 3 mặt sau: Lý thuyết- Thực hành - Trình độ thể lực. Trong đó đặc biệt chú trọng kỹ năng thực hành các môn TDTT.

- Tạo điều kiện để mỗi sinh viên tham gia kiểm tra và tự kiểm tra trong quá trình học, kiểm tra và thi kết thúc học phần.

- Hướng dẫn cho sinh viên cách chuẩn bị sân bãi và dụng cụ trước khi học tập. Từ đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tự học, tự luyện tập.

- Đề ra những yêu cầu cụ thể ở từng nội dung để sinh viên phấn đấu. Đây sẽ là động lực để thúc đẩy sinh viên tự học, tự rèn luyện TDTT.

+ **Cách đánh giá kết quả:** Dựa trên đổi mới về phương pháp tổ chức triển khai giờ dạy GDTC của giảng viên; Sự linh hoạt, đa dạng trong sử dụng các hình thức tổ chức tập luyện.

*2.2.2.5. Giải pháp nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, giảng viên TDTT, tổ chức hợp lý và có hiệu quả công tác quản lý TDTT.*

+ **Mục đích:** **Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên GDTC đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và trình độ theo đúng qui định.**

+ Nội dung và tổ chức thực hiện:

- **Tuyển dụng, qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giảng dạy GDTC đạt chuẩn theo qui định.**

- Đề xuất Ban Giám hiệu cử giảng viên GDTC tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đi học nghiên cứu sinh.

- Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật trong Bộ môn, tổ chức tập huấn các chuyên ngành GDTC.

- Tăng cường dự giờ đồng nghiệp để trao đổi và học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

- Thường xuyên cập nhật vào bài giảng những thông tin kỹ thuật thể thao mới. Giới thiệu được những tài liệu tham khảo quan trọng cho sinh viên tự học, tự rèn luyện.

- Tổ chức hợp lý và có hiệu quả khâu quản lý phong trào TDTT để phát huy mọi sức mạnh trong công tác GDTC.

+ **Cách đánh giá kết quả:** Số lượng giảng viên GDTC được bồi dưỡng, nâng cao trình độ; Số buổi sinh hoạt học thuật trong Bộ môn.

### **3. KẾT LUẬN**

Việc nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường ĐHTG nói chung và đối với môn học GDTC nói riêng là một việc làm rất cần thiết góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Thông qua việc đánh giá chương trình GDTC; đội ngũ giảng viên; điều kiện cơ sở vật chất; điều tra những yếu tố có liên quan đến việc tự học, tự rèn luyện của sinh viên; kết quả xếp loại học tập môn GDTC, đề tài đã nêu lên được thực trạng công tác GDTC Trường ĐHTG. Đồng thời đề tài nghiên cứu lựa chọn 5 nhóm giải pháp và xây dựng nội dung, tổ chức thực hiện và cách đánh giá nhằm nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên đối với môn học GDTC ở Trường Đại học Tiền Giang.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, 2013, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công*

## **Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và thể thao trường học**

*nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024, *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học năm học 2024-2025.*

3. Thủ tướng Chính phủ, 2013, *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.*

4. Trịnh Trung Hiếu, 2001, *Lý luận và phương pháp giáo dục thể dục thể thao trong nhà trường*, NXB thể dục thể thao Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Bài viết được trích dẫn từ đề tài NCKH cấp trường: “*Một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học, tự rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang đối với môn học giáo dục thể chất*”. Chủ nhiệm đề tài ThS. Trần Thanh Phong. Dự kiến nghiệm thu đề tài tháng 4/2025.

Ngày nhận bài: 10/10/2024; Ngày đánh giá: 07/11/2024; Ngày duyệt đăng: 21/11/2024.